TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐẮK LẮK	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2020/KDTM-PT
Ngày 12 - 5 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết.
Ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2020/TLPT- KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng, bảo lãnh"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Cư M'Gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 04/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: LH, phường TC, quận BĐ, TP. Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh N K - Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng A
Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn H – Phó giám đốc ngân hàng A – Chi nhánh HT, Bắc Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng : Luật sư Dương F M – Công ty Luật TNHH DT Law; địa chỉ: Đường MCT, phường AP, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Z; địa chỉ: ĐBP, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn P - Giám đốc Công ty; địa chỉ: 21 Thôn TC, xã QT, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. A1 Nguyễn Trọng D; địa chỉ: Thôn Y, xã CĐ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3.2. Chị Trần Thị P3; trú tại: Thôn TC, xã QT, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Trần Văn P; Vắng mặt

4.2. Bà Nguyễn Thị Kim P1; Vắng mặt

4.3. A1 Trần Văn Đ1; Vắng mặt

4.4. Chị Trần Thị Bích N; Vắng mặt

4.5. Chị Trần Thùy D1; Vắng mặt

4.6. Chị Trần Thảo Q, sinh năm 2004; Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật cho chị Q: Bà Nguyễn Thị Kim P1

Cùng địa chỉ: 21 Thôn TC, xã QT, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4.7. Ông Nguyễn Trọng Đ3. Có mặt.

4.8. Bà Vương Thị M1; Vắng mặt

4.9. Chị Nguyễn Thị Kim D2; Vắng mặt

4.10. Chị Nguyễn Thị A1; Vắng mặt

4.11. Chị Nguyễn Thị D3; Vắng mặt

4.12. Chị Nguyễn Thị Thu K1; Vắng mặt

4.13 Chị Nguyễn Thị P3; Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền cho chị A1, chị D2, chị D3 là: Anh Nguyễn Trọng D. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền cho chị K1, chị P3, bà M1 là: Ông Nguyễn Trọng Đ3; Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã CĐ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

4.14. UBND xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y WNiê - Chủ tịch. Vắng mặt.

4.15. UBND xã CĐ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình H5 - Chủ tịch. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Ngân hàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền lại cho bên nguyên đơn ông Đặng Văn H trình bày:

Ngày 15/10/2007 Công ty TNHH Z (công ty Z) ký hợp đồng tín dụng số TP 0107 với Ngân hàng A (Ngân hàng) - Chi nhánh HT để vay số tiền 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng) với Lãi suất 13,2%/ năm, thời hạn vay 5 năm, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 15/10/2012, mục đích vay đê trồng rừng nguyên liệu. Do công ty Z vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đên hạn nên Ngân hàng đã làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc công ty Z trả nợ, trường hợp không trả được thì Ngân hàng yêu cầu thi hành các tài sản thế chấp bảo đảm của công ty Z và của bên thứ ba để thu hồi vốn cho Ngân hàng.

Tại bản án số 07/3013/KDTM - ST ngày 15/11/2013, bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số: 02/2014/KDTM - ST ngày 20 tháng 01 năm 2014, Ngân hàng đã thu hồi được 949.110.091 đồng.

Tính đến nay công ty Z đã trả được số nợ gốc 2.236.240.091 đồng và trả được 3.145.335.423 đồng tiền lãi. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 5.381.575.423 đồng.

Tính đến ngày 28/10/2019 Công ty TNHH Z còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 9.763.759.909 đồng và 25.860.313.366 đồng tiền lãi.

Tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: Công ty TNHH Z đã thế chấp 300 ha cây keo lai và xoan tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 781902 cấp ngày 28/5/2007 có diện tích là 7.130.142 m^2; tiểu khu 1386 gồm các thửa: 103, 119, 121, 130, 168, 1, 2, 5, 18, 15, 21,188, 210, 223, 23, 35,49, 40; tiểu khu 1390 gồm các thửa: 58, 57, 60, 74, 81, 59, 66, 76, 90, 93, 94, 103, 117, 122, 89, 102 tờ bản đồ số DC01, DC02 do UBND tỉnh Đăk Lăk cấp và tài sản đã thế chấp của công ty đã thi hành án.

Tài sản bảo lãnh: Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1 đã dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất số O 406082 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 36.060 m2 thuộc các thửa đất số 38, 39, 42, 43 tờ bản đồ số 32; quyền sử dụng đất số O 406081 do UBND huyện C cấp ngày 06/ 4/ 1999, diện tích đất 33.260 m2 thuộc hai thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ số 32 tại xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1 đã thế chấp tài sản của mình để bảo đảm khoản tiền vay gồm: Quyền sử dụng đất số X 782805 do UBND huyện C cấp ngày 22/9/2003 diện tích 18.666 m2 gồm các thửa: 260 a, 107 a, 128 tờ bản đồ số 16, 18; quyền sử dụng đất số R 441547 do UBND huyện C cấp ngày 19/12/2001 có diện tích 23.740 m^2 thửa đất số 108, 127 tờ bản đồ số 18 tại xã CĐ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Ông Trần Đình F và bà Nguyễn Thị J đã dùng tài sản của mình thế chấp bảo đảm cho khoản tiền vay gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 976428 do UBND thành phố BM cấp ngày 04/8/2005 có diện tích 133,2 m^2 thửa đất số 27a tờ bản đồ số 48 và đã xử lý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông F và bà J.

Do Công ty Z đã vi phạm hợp đồng tín dụng vì vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Z phải trả cho ngân hàng A 9.763.759.909 đồng tiền gốc và 16.096.553.457 đồng (trong đó lãi trong hạn là 12.225.393.141 đồng, lãi quá hạn là 3.871.160.316 đồng) tiền lãi suất tính đến ngày 28/10/2019. Tổng cộng là 25.860.313.366 đồng và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng TP 0107 đối với khoản tiền gốc tính từ ngày 29/10/2019 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp công ty Z không trả được nợ, Ngân hàng xử lý phát mại tài sản thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của công ty Z thu hồi nợ các tài sản hiện đang còn thế chấp cho ngân hàng của ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1, ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1.

Đối với việc xác định tài sản có phải của hộ gia đình hay không, xác định công sức đóng góp, duy trì, tạo lập tài sản thế chấp đề nghị Tòa án xác minh làm rõ bảo vệ quyền lợi cho ngân hàng.

*** Công ty trách nhiệm Hữu Hạn Z (Công ty Z) - Đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn P, trình bày:**

Năm 2007 Công ty Z do nhu cầu vay vốn làm ăn nên có xác lập hợp hồng tín dụng với Ngân hàng A- Chi nhánh HT vay số tiền 12.000.000.000 đồng, có thế chấp tài sản của công ty và mượn tài sản của ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1, của bà Nguyễn Thị Kim P1 và Trần Văn P để thế chấp cho ngân hàng đê đảm bảo cho khoản vay. Tuy nhiên, do dự án trồng rừng không thành công nên Công ty không trả được nợ. Sau khi Ngân hàng khởi kiện đã thi hành án tài sản của công ty và một phần tài sản thế chấp để thu hồi nợ tuy nhiên chưa trả hết. Nay ngân hàng khởi kiện công ty Z đồng ý trả nợ như yêu cầu của ngân hàng, đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng cũng như yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

- A1 Nguyễn Trọng D trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

A1 là con ruột của ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1. Năm 2007 bố mẹ anh có dùng tài sản của gia đình là thửa đất số 260a, 107a, 128 tờ bản đồ số 16, 18, diện tích 18.666 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: X 782805 do UBND huyện C cấp ngày 22/9/2003; thửa đất số 108, 127 tờ bản đồ số 18 diện tích 23.740 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: R 441547 do UBND huyện C cấp ngày 19/12/2001 để thế chấp bảo lãnh cho công ty Z vay tiền của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh HT để vay vốn theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 301 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã CĐ, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. Tuy nhiên, đây là tài sản của hộ gia đình, tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp chỉ có đại diện của ngân hàng, đại diện công ty Z và ông Đ3, bà M1 là bố mẹ của anh D ký, không có các thành viên trong gia đình từ đủ 15 tuổi ký hoặc có văn bản ủy quyền thay thế là Nguyễn Thị Kim D2, Nguyễn Trọng D, Nguyễn Thị A1, Nguyên Thị D3. Như vậy, hợp đồng thế chấp trên đã vô hiệu theo khoản 2 Điều 109 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 146 nghị định số 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004**.** Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 ký kết ngày 10 tháng 10 năm 2007 ký kết và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã CĐ giữa bên thế chấp Nguyễn Trọng Đ3, Vương Thị M1, bên vay vốn Trần Văn P và bên nhận thế chấp Ngân hàng A do ông Trần Đình F giám đốc Chi nhánh HT ký kết là vô hiệu; Không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, chỉ yêu cầu Ngân hàng A - Chi nhánh HT trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 782805 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/9/2003 diện tích 18.666m2 gồm các thửa 260a, 107a, 128 tờ bản đồ số 16, 18; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R441647 do ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2001 có diện tích 23.740m2 thửa đất số 108, 127 tờ bản đố số 18 cho gia đình anh D.

- Chị Trần Thị P3, trình bày:

Ngày 10/10/2007 bố mẹ chị là ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 tại Ủy ban nhân dân xã ET số 230, quyển sổ 01TP/CC- SCT-HĐGD do chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ET ký chứng thực gồm những tài sản sau: Quyền sử dụng đất số O 406082 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/ 1999, diện tích đất 36.060 m2 thuộc các thửa đất số 38, 39, 42, 43 tờ bản đồ số 32; Quyền sử dụng đất số O 406081 do UBND huyện

C cấp ngày 06/4/ 1999, diện tích đất 33.260 m2 thuộc hai thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ sô 32 toàn bộ tài sản trên tại xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, nguồn gốc của hộ gia đình do khai hoang mà có. Tuy nhiên, tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp chỉ có đại diện của ngân hàng, đại diện công ty Z và ông P và bà P1 ký, không có các thành viên trong hộ gia đình từ đủ 15 tuổi ký hoặc có văn bản ủy quyền thay thế là Trần Thị P3 và Trần Văn Đ1 là vô hiệu theo khoản 2 Điều 109 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 146 nghị định số 181/2004/NĐ -CP ngày 29/10/2004. Nên chị P3 yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 ký kết ngày 10 tháng 10 năm 2007 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã ET giữa bên thế chấp Trần Văn P và Nguyễn Thị Kim P1, bên vay vốn giám đốc công ty Z là Trần Văn P và bên nhận thế chấp Ngân hàng A - Chi nhánh HT ký kết là vô hiệu; không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, chỉ yêu cầu Ngân hàng A - Chi nhánh HT trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 406082 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 36.060 m2 thuộc các thửa đất số 38, 39, 42, 43 tờ bản đồ số 32; Quyền sử dụng đất số O 406081 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 33.260 m2 thuộc hai thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ số 32 cho ông P và bà P1.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Trọng Đ3 trình bày:

Vợ chồng ông có dùng tài sản của gia đình để thế chấp cho công ty Z vay vốn kinh doanh là thửa đất số 260a, 107a, 128 tờ bản đồ số 16, 18, diện tích 18.666m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 782805 do UBND huyện C cấp ngày 22/9/2003; thửa đất số 108, 127 tờ bản đồ số 18 diện tích 23.740 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 441547 do UBND huyện C cấp ngày 19/12/2001 để thế chấp bảo lãnh cho công ty Z vay tiền của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh HT để vay vốn theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 301 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD xác lập tại Ủy ban nhân dân xã CĐ, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. Tại thời điểm xác lập hợp đồng thế chấp tài sản không có các thành viên của gia đình ký theo quy định của pháp luật. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu công ty Z trả nợ ông không có ý kiến gì, đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1 trình bày:

Vợ chồng ông có dùng tài sản của gia đình để thế chấp cho công ty Z vay vốn kinh doanh có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của

người thứ 3 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã ET số 230, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD chứng thực gồm những tài sản sau: Quyền sử dụng đất số O 406082 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 36.060 m2 thuộc các thửa đất số 38, 39, 42, 43 tờ bản đồ số 32. Quyền sử dụng đất số O 406081 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 33.260 m2 thuộc hai thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ số 32. Toàn bộ tài sản trên là đất của hộ gia đình do gia đình khai hoang. Tuy nhiên, tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp chỉ có đại diện của ngân hàng, đại diện công ty Z và ông P và bà P1 ký, không có các thành viên trong gia đình từ đủ 15 tuổi ký hoặc có văn bản ủy quyền thay thế là Trần Thị P3 và Trần Văn Đ1. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu công ty Z trả nợ ông không có ý kiến gì, đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Chị Nguyễn Thị A1, Nguyễn Thị Kim D2, Nguyễn Thị D3 - Người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Trọng D trình bày:

Chị Nguyễn Thị A1, Nguyễn Thị Kim D2, Nguyễn Thị D3 là con của ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1, việc ông Đ3 và bà M1 lấy các quyền sử dụng đất của hộ gia đình thế chấp bảo lãnh cho công ty Z vay vốn các con không được biết. Nguyện vọng của các thành viên trong hộ ông Nguyễn Trọng Đ3 đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của các thành viên trong gia đình theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thu K1, Nguyễn Thị P3, bà Vương Thị M1 là ông Nguyễn Trọng Đ3 trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu K1 và Nguyễn Thị P3 là con của ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1. Việc ông Đ3 và bà M1 dùng tài sản của hộ gia đình thế chấp bảo lãnh cho công ty Z vay vốn các thành viên trong hộ gia đình không biết. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật cho Ủy ban nhân dân xã CĐ ông Trần Đình H5 trình bày:

Ngày 10/10/2007 ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1, đại diện công ty Z và Ngân hàng A - Chi nhánh HT có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 tại Ủy ban nhân dân xã CĐ chứng thực số 301, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD do chủ tịch ủy ban nhân dân xã CĐ ký chứng thực gồm những tài sản sau: Quyền sử dụng đất số X 782805 do ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/9/2003 diện tích 18.666m2 gồm các thửa 260a, 107a, 128 tờ bản đồ số 16, 18; Quyền sử dụng đất số R441647 do ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2001 có diện tích 23.740m2 thửa đất số 108, 127 tờ bản đố số 18. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Trọng Đ3 nhưng không có các

thành viên trong hộ từ đủ 15 tuổi ký theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi của các bên theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật cho ủy ban nhân dân xã ET ông Y Thôn Niê trình bày:

Ngày 10/10/2007 ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1, đại diện công ty Z và Ngân hàng nông nghiệp và phát triên nông thôn - Chi nhánh HT có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 tại Ủy ban nhân dân xã Eatar chứng thực số 230, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD do chủ tịch Úy ban nhân dân xã ET ký chứng thực gồm những tài sản sau:

Quyền sử dụng đất số O 406082 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 36.060 m2 thuộc các thửa đất số 38, 39, 42, 43 tờ bản đồ số 32. Quyền sử dụng đất số O 406081 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/ 1999, diện tích đất 33.260 m2 thuộc hai thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ số 32. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Văn P nhưng không có các thành viên trong hộ từ đủ 15 tuổi ký theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi của các bên theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, 35, 39, 158, 166, khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng khoản 2 Điều 109, điểm b khoản 1 Điều 122, 127, 137, 410 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 113 Luật đất đai 2003; Khoản 1 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chúc tín dụng; khoản 2 Điều 146 nghị định số 181/2004/NĐ - CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai năm 2003.

Áp dụng khoản 6, 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định vê mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A
- Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trọng D, chị Trần Thị P3

Về nợ và nghĩa vụ trả nợ: Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng A và Công ty TNHH Z.

Công ty TNHH Z phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 25.860.313.366 đồng, trong đó nợ gốc 9.763.759.909, lãi suất phát sinh 16.096.553.457 đồng (trong đó lãi

trong hạn là 12.225.393.141 đồng, lãi quá hạn là 3.871.160.316 đồng) tính đến ngày 28/10/2019 và tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh từ ngày 29/10/2019 theo hợp đồng tín dụng số TP 0107 ngày 15 tháng 10 năm 2007 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 230 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC- SCT-HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã ET giữa bên thế chấp ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1 với bên nhận thế chấp Ngân hàng A - Chi nhánh HT, tỉnh Đắk Lắk vô hiệu.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 301 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC-SCT- HĐGD tại ủy ban nhân dân xã CĐ giữa bên thế chấp ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1 với bên nhận thế chấp Ngân hàng A - Chi nhánh HT, tỉnh Đắk Lắk vô hiệu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2019, nguyên đơn Ngân hàng A kháng cáo:

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 230 ngày10/10/2007, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã ET giữa bên thế chấp ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1; số 301 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã CĐ giữa bên thế chấp ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1 để thu hồi khoản nợ của Công ty TNHH Z theo hợp đồng tín dụng số TP/0107 ngày 15/10/2007.

- Nếu Công ty TNHH Z không trả cho Ngân hàng A số tiền 25.860.313.366 đồng và nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 29/10/2019 đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng TP 0107 ngày 15/10/2007 thì ngân hàng toàn quyền đề nghị xử lý tài sản của ông Trần Văn P và ông Nguyễn Trọng Đ3 như trong các Hợp đồng thế chấp số TP01 ngày 10/10/2007, số chứng thực 230 và Hợp đồng thế chấp số TP01 ngày 10/10/2007, số chứng thực 301.

- A1 Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị P3 (mỗi người) phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Ngân hàng A giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tại phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vợ chồng ông P, bà P1 dùng tài sản của hộ gia đình là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 406082 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 36.060 m2 thuộc các thửa đất số 38, 39, 42, 43 tờ bản đồ số 32; Quyền sử dụng đất số O 406081 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 33.260 m2 thuộc hai thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ số 32 mang tên hộ ông Trần Văn P. Vợ chồng ông Đ3, bà M1 dùng tài sản của gia đình là thửa đất số 260a, 107a, 128 tờ bản đồ số 16, 18, diện tích 18.666 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: X 782805 do UBND huyện C cấp ngày 22/9/2003; thửa đất số 108, 127 tờ bản đồ số 18 diện tích 23.740 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: R 441547 do UBND huyện C cấp ngày 19/12/2001 mang tên hộ ông ông Nguyễn Trọng Đ3. Để thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Z tại Ngân hàng A - Chi nhánh HT. Xét thấy Ngân hàng A - Chi nhánh HT là doanh nghiệp Nhà nước, tài sản của vợ chồng ông Đ3, bà M1 và vợ chồng ông P, bà P1 được cấp theo hộ. Tuy nhiên, khi đem đi thế chấp các thành viên trong hộ không có ý kiến và để đảm bảo cho việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Trần Thị P3 và anh Nguyễn Trọng D.

**** Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng: Ông Dương Thanh M - Luật sư - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, trình bày:***

Ngân hàng A - Chi nhánh HT là doanh nghiệp Nhà nước, tài sản của vợ chồng ông Đ3, bà M1 và vợ chồng ông P, bà P1 được cấp theo hộ. Tuy nhiên, tại thời điểm vợ chồng ông P, bà P3; vợ chồng ông Đ3, bà M1 được cấp GCNQSDĐ thì các con của ông P, ông Đ3 chưa đủ 15 tuổi. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ngân hàng A - Chi nhánh HT. Bác đơn yêu cầu độc lập của chị Trần Thị P3 và anh Nguyễn Trọng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng A:

[2.1] Đề nghị xử lý tài sản của ông Trần Văn P và ông Nguyễn Trọng Đ3 như trong các "Hợp đồng thế chấp" số TP01 ngày 10/10/2007, số chứng thực 230 và "Hợp đồng thế chấp" số TP01 ngày 10/10/2007, số chứng thực 301.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm thế chấp các quyền sử dụng đất của hộ gia đình mà vợ chồng ông P, bà P1 và vợ chồng ông Đ3, bà M1 đem đi thế chấp khi chưa có ý kiến của các con. Các con của ông Trần P, bà Nguyễn Thị Kim P1, gồm: Trần Thị P3 - Sinh năm 1989; Trần Văn Đ1 - Sinh 1991. Các con của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ3, bà Vương Thị M1, gồm: Nguyễn Thị Kim D2 - Sinh năm 1988; Nguyễn Trọng D - Sinh năm 1989; Nguyễn Thị A1 - Sinh năm 1991 và Nguyễn Thị D3 - Sinh năm 1992. Khi vợ chồng ông P, vợ chồng ông Đ3 đưa tài sản đi thế chấp cho Ngân hàng để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Z thì các con của ông P, bà P1 và các con của ông Đ3, bà M1 đã đủ 15 tuổi trở lên nên đã vi phạm khoản 2 Điều 109 BLDS năm 2005. Khoản 2 Điều 109 BLDS quy định: *"Việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên từ đủ 15 tuổi trở lên đồng ý. Đối với các loại tài sản chung khác phải được đa số thành viên từ đủ 15 tuổi trở lên đồng ý".* Do đó, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 cho Công ty Z được chứng thực số: 230 ngày 10/10/2007 của ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Kim P1. Và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 cho Công ty Z được chứng thực số: 310 ngày 10/10/2007 của vợ chồng ông Nguyễn Trọng Đ3, bà Vương Thị M1. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên các hợp đồng thế chấp nói trên đều bị vô hiệu đúng với quy định của pháp luật, do đó kháng cáo của Ngân hàng A - Chi nhánh HT không có căn cứ để xem xét.

[2.2] Ngân hàng A - Chi nhánh HT, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị P3 (mỗi người) phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do đơn yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị P3 được chấp nhận nên kháng cáo vấn đề này của Ngân hàng không có căn cứ chấp nhận.

[3] Ngày 04/3/2020, Ngân hàng A - Chi nhánh HT có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tài sản của vợ chồng ông Trần Đình F, bà Nguyễn Thị J và đưa vợ chồng ông Trần Đình F, bà Nguyễn Thị J vào tham gia tố tụng. Ngày 11/03/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lắk nhận được "Đơn đề nghị và yêu cầu về việc tham gia tố tụng và áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời". Qua nghiên cứu đơn đề nghị và yêu cầu, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã trả lời tại Công văn số: 135/CV-

TA ngày 11/3/2020 không chấp nhận đơn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Đắk Lắk - Chi nhánh HT. Bởi vì: [3.1] Theo "Đơn khởi kiện" ngày 25/01/2018, Ngân hàng A - Chi nhánh HT (nay chi nhánh HT Bắc Đắk Lắk) chỉ khởi kiện Công ty TNHH Z, yêu cầu thanh toán nợ và có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Trọng Đ3, bà Nguyễn Thị M1 và của ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Kim P1 đối với khoản nợ vay tại hợp đồng tín dụng số TP/0107 ngày 15/10/2007. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Trần Đình F, bà Nguyễn Thị J vào tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật, vì trong hợp đồng tín dụng này vợ chồng ông F, bà J không thế chấp hay bảo lãnh cho Công ty Z. Sau khi xét xử sơ thẩm Ngân hàng A – Chi nhánh HT Bắc Đắk Lắk không kháng cáo, do đó yêu cầu này không có căn cứ để xem xét.

[3.2] Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là tài sản của ông Trần Đình F, đối với diện tích đất 133,2m^2 ở phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tại thửa đất 27A, tờ bản đồ số 48, GCNQSDĐ số: AC 976428 cấp ngày 04/8/2005. Sau khi bản án phúc thẩm số: 02/2014/KDTMPT ngày 20/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực thi hành, Ngân hàng không có khiếu nại gì và đã thi hành xong. Ngày 21/6/2014, ông Trần Đình F, bà Nguyễn Thị J đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị D1 diện tích đất nói trên, việc chuyển nhượng đã hoàn tất. Bà D1 đã giao đủ tiền và đã nhận đất sử dụng, ông F, bà J đã nhận đủ tiền và đã giao đất cho bà D1. Do đó, tài sản của ông F, bà J mà phía Ngân hàng đưa ra yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn và cũng như đã phân tích ở trên nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ngân hàng phải chịu chi phí tố tụng là có căn cứ, do yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị P3 được chấp nhận, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng không được chấp nhận nên Ngân hàng phải chịu là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nên Ngân hàng A - Chi nhánh HT Bắc Đắk Lắk phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị ncos hiệu lực kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 Điều 109, điểm b khoản 1 Điều 122, 127, 137, 410 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 113 Luật đất đai 2003; Khoản 1 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 146 nghị định số 181/2004/NĐ - CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai năm 2003.

Áp dụng khoản 6, 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định vê mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trọng D, chị Trần Thị P3.

[1]. Về nợ và nghĩa vụ trả nợ: Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng A và Công ty TNHH Z.

Công ty TNHH Z phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 25.860.313.366 đồng, trong đó nợ gốc 9.763.759.909 đồng, lãi suất phát sinh 16.096.553.457 đồng (trong đó lãi trong hạn là 12.225.393.141 đồng, lãi quá hạn là 3.871.160.316 đồng) tính đến ngày 28/10/2019 và tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh từ ngày 29/10/2019 theo hợp đồng tín dụng số TP 0107 ngày 15 tháng 10 năm 2007 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2]. Về xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 230 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC- SCT-HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã ET giữa bên thế chấp ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1 với bên nhận thế chấp Ngân hàng A - Chi nhánh HT, tỉnh Đắk Lắk vô hiệu.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 301 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC-SCT- HĐGD tại ủy

ban nhân dân xã CĐ giữa bên thế chấp ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1 với bên nhận thế chấp Ngân hàng A - Chi nhánh HT, tỉnh Đắk Lắk vô hiệu.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 230 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã ET giữa bên thế chấp ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1; số 301 ngày 10/10/2007, quyển số 01TP/CC-SCT-HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã CĐ giữa bên thế chấp ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1 để thu hồi khoản nợ của Công ty TNHH Z theo hợp đồng tín dụng số TP/0107 ngày 15/10/2007.

[3]. Buộc Ngân hàng A – Chi nhánh HT, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ:

- Trả lại cho hộ ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim P1 các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 230 ngày 10/10/2007 là 02 quyền sử dụng đất tại xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 406082 do UBND huyện C cấp ngày 06/ 4/ 1999, diện tích đất 36.060m2 thuộc các thửa đất số 38, 39, 42, 43 tờ bản đồ số 32 cấp cho hộ ông Trần Văn P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 406081 do UBND huyện C cấp ngày 06/4/1999, diện tích đất 33.260m2 thuộc hai thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ số 32 cấp cho hộ ông Trần Văn P.

- Trả lại cho hộ ông Nguyễn Trọng Đ3 và bà Vương Thị M1 các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ 3 chứng thực số 301 ngày 10/10/2007 là 02 quyền sử dụng đất tại xã CĐ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 782805 do UBND huyện C cấp ngày 22/9/2003 diện tích 18.666m2 gồm các thửa: 260a tờ bản đồ số 16, 107a, 128 tờ bản đồ số 18 cấp cho hộ ông Nguyễn Trọng Đ3; Giấy chứng nhận quyền sứ dụng đất số X R 441547 do UBND huyện C cấp ngày 19/12/2001 có diện tích 23.740m^2 thửa đất số 108, 127 tờ bản đồ số 18 cấp cho hộ ông Nguyễn Trọng Đ3.

[4]. Chi phí tố tụng: Ngân hàng A – Chi nhánh HT, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá. Ngân hàng phải hoàn trả lại cho anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị P3 (mỗi người) 5.000.000 đồng. A1 D và chị P3 (mỗi người) được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng sau khi thu được từ Ngân hàng.

[5]. Về án phí:

[5.1]. Án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng A – Chi nhánh HT Bắc Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 65.560.000 đồng tiền đã nộp tạm ứng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A - Chi nhánh HT, tỉnh Đắk Lắk số tiền 65.260.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số: AA/2017/0001997 ngày 12/02/2018.

- Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Z số tiền 58.592.014 đồng án phí kinh doanh sơ thẩm đã nộp theo bản án số: 07/2013/KDTMST ngày 15/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar và bản án số: 02/2014/KDTMPH ngày 20/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Hoàn trả cho chị Trần Thị P3 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2017/0014027 ngày 25/6/2019 tại Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Trọng D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2017/0013991 ngày 12/6/2019 tại Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[5.2]. Án phí phúc thẩm: Ngân hàng A - Chi nhánh HT Bắc Đắk Lắk phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được khấu trừ 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số: AA/2019/0004202 ngày 05/12/2019 và biên lai số: AA/2019/0004301 ngày 07/01/2020.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'Gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lê Thị Tùng